

Số: 216/BC-THNVB

Thành phố Thủ Đức, ngày 23 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả triển khai “Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông” tại trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Ban hành kèm theo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 28/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 về Thông tư ban hành Điều lệ Trường Tiểu học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh đã thực hiện nghiêm túc các nội dung các Quy chế công khai năm học 2022 – 2023 và kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2023-2024 theo yêu cầu và có báo cáo cụ thể như sau:

I. QUÁN TRIỆT HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP QUY

- Triển khai đầy đủ nội dung quy chế thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức trong cuộc họp Hội đồng sư phạm đầu năm ngày 14 tháng 8 năm 2023.

- Triển khai hệ thống văn bản liên quan: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

II. THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022 - 2023

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên,

cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế

Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2022 - 2023; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (Theo mẫu 06).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục

Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, đã thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục - Chu kỳ 2 – đạt Mức 1 năm học 2020-2021. Kể từ sau thời điểm được kiểm định chất lượng giáo dục, nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục vào giữa tháng 8 và báo cáo kết quả vào cuối tháng 4 hàng năm.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 08).

1.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại điểm a, c, d, đ của Khoản 3 Điều 4 của Quy chế.

- Công khai mức thu phí vệ sinh và các khoản thu khác theo từng năm học công khai các khoản chi theo từng năm học theo Quy chế chi tiêu nội bộ (các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo...)

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023.

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023.

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn Ngân sách nhà nước năm 2022 .

cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế

Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2022 - 2023; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (Theo mẫu 06).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục

Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, đã thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục - Chu kỳ 2 – đạt Mức 1 năm học 2020-2021. Kể từ sau thời điểm được kiểm định chất lượng giáo dục, nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục vào giữa tháng 8 và báo cáo kết quả vào cuối tháng 4 hàng năm.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 08).

1.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại điểm a, c, d, đ của Khoản 3 Điều 4 của Quy chế.

- Công khai mức thu phí vệ sinh và các khoản thu khác theo từng năm học công khai các khoản chi theo từng năm học theo Quy chế chi tiêu nội bộ (các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo...)

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023.

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023.

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn Ngân sách nhà nước năm 2022 .

- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023. (kèm theo danh sách của Ủy ban nhân dân Phường Trường Thọ)

2. Hình thức và thời điểm công khai:

2.1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong Hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.

- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh.... Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2.2. Thời điểm công khai:

*** Từ tháng 8/2023:**

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 07/8/2023.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (đến tháng 10 năm 2023) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: bắt đầu tháng 6 hàng năm phối hợp với giáo viên chuyên trách phổ cập giáo dục tiếp nhận văn bản chỉ đạo về tuyển sinh Lớp 1 theo số lượng học sinh đúng độ tuổi từng khu phố dựa trên kế hoạch phân tuyến của Phòng giáo dục Đào tạo Thành phố Thủ Đức trước khi nhà trường thực hiện tuyển sinh. Cập nhật thường xuyên văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân Phường Trường Thọ để xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường; ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho Hội đồng tuyển sinh; chỉ đạo thành lập nhóm Zalo CMHS Khối 1 để phổ biến hướng dẫn tuyển sinh trực tiếp, trực tuyến và các thông báo về quy định nộp hồ sơ kịp thời cho CMHS Khối 1 thực hiện.

- Đối với học sinh đang học Khối 2, 3, 4, 5 tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI TẠI ĐƠN VỊ

Nhà trường thực hiện báo cáo theo các biểu mẫu (đính kèm).

Riêng dự toán thu chi tài chính 2023 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức.



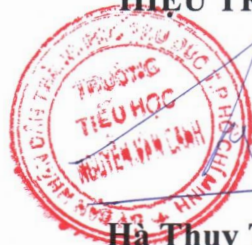
Các năm học về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm cũng như tiến độ của năm học trước.

Trên đây là báo cáo công khai theo Thông tư 36/2017/TT- ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo yêu cầu của Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục Sở Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bạch năm học 2022-2023.

Nơi nhận:

- PGD-ĐT ;
- BGH, BTTND;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thụy Thúy Bình

BIÊN BẢN

Họp về việc niêm yết công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
Ngày 28/11/2017 của Bộ giáo dục Đào tạo
Năm học 2022 - 2023

Thời gian: Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Địa điểm: Phòng Hội đồng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh

Thành phần:

- | | |
|----------------------------|---------------------|
| 1. Bà Hà Thụy Thúy Bình | Hiệu trưởng - BTCTB |
| 2. Bà Lại Thị Thu Hà | P. Hiệu trưởng |
| 3. Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp | P. Hiệu trưởng |
| 4. Ông Hồ Thượng Hải | NV. CNTT |
| 5. Bà Trần Thị Thảo Uyên | NV Kế toán |
| 6. Bà Cao Thị Kim Thủy | CTCĐ |
| 7. Bà Thái Hồng Loan | TB.TTND - Thư ký |

Nội dung:

1. Bà Hà Thụy Thúy Bình - Hiệu trưởng- Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông qua các văn bản:

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 28/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 về Thông tư ban hành Điều lệ Trường Tiểu học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Chỉ đạo 02 Phó hiệu trưởng tiếp tục thông qua nội dung họp tiếp theo.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp – Phó Hiệu trưởng thông qua các nội dung công khai:

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022-2023

Công khai thông tin về tài chính, năm học 2022-2023

1. Công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022-2023

2. Công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022-2023

3. Công khai quyết toán thu chi nguồn Ngân sách nhà nước năm 2022

4. Công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng

3. Bà Lại Thị Thu Hà – Phó Hiệu trưởng thông qua thời gian công khai:

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 07 tháng 8 năm 2023 đến 07 tháng 10 năm 2023

- Địa điểm công khai: tại bảng công khai và website của nhà trường

- Mọi thắc mắc về nội dung công khai nêu trên đề nghị liên hệ Ban giám hiệu, Tổ tài vụ nhà trường để được giải đáp.

Thư ký thông qua nội dung biên bản. Các thành viên dự họp không có ý kiến nào thêm.

Biên bản được lập xong vào lúc 9h00 cùng ngày.

Thư ký

Thái Hồng Loan



CTCĐ

Cao Thị Kim Thủy

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thụy Thúy Bình

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		274	255	271	264	280
	I. Điều kiện tuyển sinh II. Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	1. Tuổi của HS Tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm) 2. Tuổi vào lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9. Trường TH Nguyễn Văn Banh có 1 điểm trường nên tuyển sinh trẻ 6 tuổi thường trú và tạm trú tại địa bàn phường Trường Thọ theo Kế hoạch phân tuyến và chia Khu phố, Tổ từ Hội đồng tuyển sinh Thành phố Thủ Đức Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học Khối 1, 2, 3 do Bộ GDĐT ban hành theo Thông tư số 32/ 2018/TT- BGDDT ngày 26/12/2018, đánh giá học sinh theo Thông tư 27/ TT- BGDDT Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ- BGDDT ngày 05/05/2016 dành cho HS Khối 4, 5; đánh giá HS theo Thông tư 22/ 2016/TT-BGDDT của BGDDT về đánh giá HS tiểu học. Thực học 35 tuần/ năm học. 1. Ngày tựu trường: 29/08/2022 2. Ngày Khai giảng: 05/09/2022 Ngày bắt đầu Chương trình HK1 đến hết chương trình HK1: 05/09/2022 - 13/01/2023 gồm 19 tuần. Thời gian kiểm tra cuối HK1 từ 02/01/2023 đến hết ngày 13/01/2023 cho cả môn Toán, Tiếng Việt và các môn Khoa học, Địa lý Lịch sử lớp 4, 5 và các môn Tự chọn. Sơ kết HK1 ngày 13/01/2023 Ngày kiểm tra cuối năm từ 28/04/2023 đến hết ngày 15/05/2023 cho các môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử, Địa lý Lớp 4,5; các môn Tự chọn. Riêng Khối 5 kiểm tra theo lịch: 10/05/2023: Môn Tiếng Việt 11/05/2023: Môn Toán. Tổng kết năm học từ 25 đến 31/05/2023.				
	III. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT- BGDDT của Bộ GDĐT ngày 22/01/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ HS. Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, sổ liên lạc điện tử của nhà trường. Hợp CMHS định kỳ theo quy định. Thông qua các Thông tư đánh giá HS, cam kết thực hiện ATGT, Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, ...GV thường xuyên trao đổi với gia đình qua sổ liên lạc điện tử, tin nhắn trên ứng dụng Zalo, số điện thoại.. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của HS: chấp hành tốt nội quy HS; thái độ học tập tích cực, chủ động; thực hiện tốt 5 Điều Bác Hồ dạy; biết cách tự học, tự giác và sáng tạo; có tính kỷ luật cao, biết hợp tác và chia sẻ.				
	IV. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Có đủ 29 phòng học cho 29 lớp; chỗ ngồi đủ, thông thoáng, có trang thiết bị tối thiểu. Tổ chức dạy Tin học cho 5 Khối và Tin học Quốc tế cho HS Khối 3; có tivi thông minh 55 inches 100% ở Khối 1, 2, 3 Chương trình GDPT 2018, có 01 bảng tương tác, 01 máy chiếu; bảng Led chạy chữ các ngày kỉ niệm, có bảng tin Tổ Khối và các bộ phận đoàn thể.				
	V. Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	HS được tham gia sinh hoạt chào cờ theo chủ điểm; được nghe triển khai tiết Hoạt động trải nghiệm luân phiên của 3 Khối học CTGDPT 2018. HS được tham gia ngoại khóa 2 lần/năm phù hợp lứa tuổi và tình hình thực tế; được tham gia CLB Đội nhóm, Đội thiếu niên TP HCM; được nghe triển khai, phát động Tháng an toàn giao thông, tuyên truyền Luật, Quy				

	VI. Đội ngũ CBQL, giáo viên, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	định....theo chủ đề và kế hoạch năm học. Tham gia các Lễ hội Trung Thu, Chào mừng Ngày NGVN 20.11; tham gia Trò chơi dân gian, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong CLB STEM, Toán tư duy, KNS, năng khiếu,... Đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng. CBQL: 03 (01 Thạc sĩ và 02 Đại học) GV: 36 -100% Đại học CBQL đảm bảo trình độ quản lý giáo dục theo yêu cầu. Phương pháp quản lý: thực hiện tốt quy chế dân chủ, ứng dụng CNTT vào tất cả nhiệm vụ quản lý, hoạt động giáo dục của nhà trường, phần mềm V. EMIS, lấy HS làm trung tâm trong các hoạt động được tổ chức.
	VII. Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của HS dự kiến đạt được VIII. Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ HS, 100% HS hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất; lễ phép, tích cực, năng động, được rèn kỹ năng sống, có ý thức bảo vệ môi trường, giữ vững hiệu suất đào tạo luôn trên 99%; HS lớp 5 hoàn thành CT bậc Tiểu học 100%, không có HS bỏ học, đảm bảo VSATTP, theo dõi sức khỏe HS, cân đối chất lượng suất ăn để giảm tỉ lệ trẻ béo phì, suy dinh dưỡng; thường xuyên tổng vệ sinh trường lớp. 100 % HS được chăm sóc sức khỏe ban đầu, 100% HS tham gia BHYT. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. Đủ sức khỏe để học lớp hoặc bậc học cao hơn. Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục của lớp dưới lên lớp trên cũng như từ bậc Tiểu học lên bậc THCS. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho HS.

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Hà Thụy Thúy Bình

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN BANH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1344	274	255	271	264	280
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1344	274	255	271	264	280
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1177	254	243	243	210	227
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	167	20	12	28	54	53
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1330	256	239	230	197	209
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	212	16	16	41	68	71
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2	2				
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1342	272	255	271	264	280
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	1114	254	238	163	230	229
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2	2	0	0	0	0

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Hà Thụy Thúy Bình

Biểu mẫu 07

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN BANH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	29	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)		
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	880	0.64m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	100	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	80	1.67m ² /học sinh
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	1
1.2	Khối lớp 2	6	1
1.3	Khối lớp 3	6	1
1.4	Khối lớp 4	0	0
1.5	Khối lớp 5	6	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	6	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ



IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	29	1
2	Cát xét	3	3/29
3	Đầu Video/đầu đĩa	10	10/29
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	2/29
5	Thiết bị khác...	1	1/29
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	36
XI	Nhà ăn	120

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	20 phòng, 960 m ²	990	0.97m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			6		0.17m ²

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Không
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thụy Thúy Bình

Biểu mẫu 08

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN BANH

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
tiểu học, Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		1	43	1	2	0	3	1					
I	Giáo viên	36		0	36	0	0		0	16	20	20	16		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
	1 Tiếng dân tộc	0													
	2 Ngoại ngữ	4			4										
	3 Tin học														
	4 Âm nhạc														
	5 Mỹ thuật														
	6 Thể dục														
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1			1					1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1				1	1	2				
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Hà Thụy Thúy Bình

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN BANH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về tài chính, năm học 2022-2023

1. Công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023
2. Công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2022- 2023
3. Công khai quyết toán thu chi nguồn Ngân sách nhà nước năm 2022
4. Công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023

(Văn bản và biểu mẫu đính kèm)

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Hà Thụy Thúy Bình

Số: /TB-TCKH

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng 06 năm 2022

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021
Đơn vị được xét duyệt: Trường TH Nguyễn Văn Banh
Mã chương: 622 - Loại 070 - Khoản 072

Căn cứ Thông tư số 137/2017TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh và Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 ngày tháng 05 năm 2022 giữa Phòng Tài chính – Kế hoạch và trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh như sau:

1. Số liệu quyết toán:

a. Quyết toán chi ngân sách

- Kinh phí năm trước chuyển sang (1)	1,466,946,508	đồng
- Dự toán được giao trong năm: (2)	8,786,382,584	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm (3)=(1)+(2)	10,253,329,092	đồng
- Tổng số kinh phí quyết toán: (4)	9,965,576,402	đồng
- Dự toán còn lại (6)=(3)-(4)	287,752,690	đồng
+ Kinh phí bị hủy	140,069,022	đồng
+ Kinh phí chuyển sang năm sau	147,683,668	đồng

(Số liệu theo Mẫu biểu 2c đính kèm)

b. Thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm trước chuyển sang	144,761,010	đồng
- Tổng thu trong năm 2021	6,009,812,500	đồng
- Tổng chi trong năm 2021	5,511,634,182	đồng
- Nộp thuế	67,949,485	đồng
- Nộp NSNN (nguồn thu căn tin, gửi xe)	-	đồng
- Thặng dư/Thâm hụt	574,989,843	đồng
- Trích nguồn CCTL	229,995,937	đồng
- Trích lập quỹ	344,993,906	đồng
- Tồn cuối kỳ	-	đồng

(Số liệu theo Mẫu biểu 2a đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: không

3. Thuyết minh số liệu quyết toán ngân sách:

- Kinh phí năm trước chuyển sang (1)	1,466,946,508 đồng
- Dự toán được giao trong năm: (2)	8,786,382,584 đồng
- Kinh phí quyết toán: (3)	9,965,576,402 đồng
* Kinh phí thường xuyên:	9,365,897,816 đồng
+ Kinh phí TNTT theo NQ 03/2018/NQ-HĐND	2,524,372,816 đồng
* Kinh phí không thường xuyên:	409,425,506 đồng
+ Trợ cấp tết nguyên đán:	75,000,000 đồng
+ Kinh phí sửa chữa	1,235,143,000 đồng
+ Kinh phí sửa học đường	51,165,455 đồng
+ Kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo	638,376,132 đồng
+ Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy hòa nhập khuyết tật	52,069,250 đồng
+ Kinh phí miễn giảm học phí	2,450,000 đồng
+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	2,200,000 đồng
+ Kinh phí trợ cấp thôi việc	0 đồng
- Dự toán còn lại (5)=(1)+(2)-(3)-(4)	287,752,690 đồng

4. Thu chi sự nghiệp và các khoản thu hộ, chi hộ:

4.1. Thu, chi sự nghiệp:

- Dư năm 2020 chuyển sang:	285,029,602 đồng
- Tổng thu trong năm	2,187,829,000 đồng
- Tổng chi hoạt động:	2,328,097,592 đồng
- Nộp thuế	16,343,249 đồng
- Kết quả chênh lệch thu - chi	128,417,761 đồng
- Trích nguồn CCTL	229,995,937 đồng
- Trích lập các quỹ:	344,993,906 đồng

(Số liệu theo Mẫu biểu 2d đính kèm)

4.2. Thu, chi dịch vụ (căn tin, giữ xe)

- Dư năm 2020 chuyển sang:	0 đồng
- Tổng thu trong năm	57,800,000 đồng
- Tổng chi hoạt động:	0 đồng
- Nộp thuế (MB, TNDN) năm 2021	2,890,000 đồng
- Nộp NSNN	54,910,000 đồng
- Nguồn CCTL chuyển sang năm sau (nguồn theo dõi)	146,985,296 đồng

4.3. Đối chiếu các khoản thu hộ, chi hộ (tiền ăn, nước uống, ăn sáng, học phẩm)

- Dư năm trước chuyển sang:	232,547,721 đồng
- Tổng thu trong năm	2,820,890,735 đồng
- Tổng chi hộ trong năm:	2,760,597,415 đồng

- Dư cuối kỳ chuyển sang 2022: 292,841,041 đồng

(Số liệu theo Mẫu biểu 2e đính kèm)

5. Nguồn kinh phí tồn của đơn vị:

- Tiền mặt:	9,010,466 đồng
- Tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc nhà nước:	1,126,386,204 đồng
+ Tại Kho bạc nhà nước	907,089,488 đồng
+ Tại ngân hàng	219,296,716 đồng

6. Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương

- Nguồn CCTL năm 2020 chuyển sang 595,211,133 đồng

'+ Nguồn ngân sách 423,563,180 đồng

'+ Nguồn thu sự nghiệp 171,647,953 đồng

- Nguồn CCTL trong năm 2021 4,007,623,937 đồng

+ 10% tiết kiệm chi thường xuyên 250,036,000 đồng

+ Nguồn CCTL nguồn NS Tp TĐ bổ sung 3,527,592,000 đồng

+ Nguồn CCTL từ nguồn thu SN 229,995,937 đồng

- Nhu cầu chi CCTL trong năm 2021 2,734,243,672 đồng

0 đồng

'+ Kinh phí cân đối chi thường xuyên từ CCTL thu sự nghiệp

'+ Kinh phí cân đối chi thường xuyên từ CCTL ngân sách 807,646,527 đồng

+ Chi thu nhập tăng thêm NQ03 1,926,597,145 đồng

- Nguồn CCTL tồn chuyển sang 2022 1,868,591,398 đồng

+ Nguồn CCTL nguồn NS 1,466,947,508 đồng

+ Nguồn CCTL từ nguồn thu SN 401,643,890 đồng

II. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời gian nộp báo cáo quyết toán: nộp đúng thời gian qui định, thực hiện đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Đơn vị có công khai tài chính theo quy định tại Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để tăng cường công tác quản lý trong nội bộ và thực hiện các mức chi theo quy chế đề ra.

- Đơn vị có thu số tiền cho thuê căn tin 40.640.000 đồng/năm, do đơn vị chưa thực hiện lập đề án sử dụng tài sản công theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, do đó sau khi trừ phần nộp thuế đơn vị phải nộp 36.576.000 đồng vào ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Kiến nghị:

- Đơn vị tiếp tục thực hiện hạch toán kế toán theo quy định, theo dõi tài khoản tài sản, khấu hao tài sản, các khoản thu.
- Đơn vị thực hiện theo dõi và chuyển nguồn cải cách tiền lương sang năm sau
- Đề nghị đơn vị nộp số tiền cho thuê căn tin còn lại 36.576.000 đồng vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Nơi nhận:

- Trường TH Nguyễn Văn Banh;
- KBNN Thành phố Thủ Đức;
- Trường Phòng TCKH (để b/c)
- Lưu: VT, TrúC (03).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Dương Thị Cẩm Tú

Thành phố Thủ Đức, ngày 20 tháng 03 năm 2023

**TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
NĂM HỌC 2022-2023**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

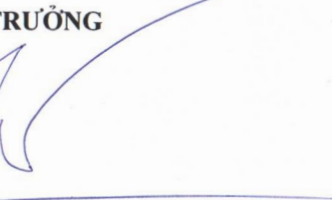
TT	Họ và tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo	Họ tên học sinh	Lớp	Trường	Học kỳ I (Từ tháng 9/2022 đến 01/2023)			Học kỳ II (Từ tháng 2/2023 đến 05/2023)			Tổng cộng
						Số tháng	Định mức 1 tháng	Số tiền	Số tháng	Định mức 1 tháng	Số tiền	
I.	DIỆN HỘ NGHÈO							15,000,000			8,400,000	23,400,000
1	Nguyễn Thị Kim Vân	26827020121HN	Nguyễn Quốc Bảo	4/1	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	0	150,000	0	750,000
2	Phạm Đăng Cẩm Tú	26827020155HN	Phạm Ngọc Hân	1/1	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	0	150,000	0	750,000
3	Nguyễn Thị Kim Thoa	26827050741HN	Dương Nguyễn Kim Thư	5/1	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
4	Đặng Văn Dương	26827050310HN	Đặng Lê Minh	5/5	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	0	150,000	0	750,000
5	Phạm Thị Nhi	26827060420HN	Nguyễn Phạm Thanh Ngân	2/1	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
6	Chu Thị Dương	26827060771HN	Nguyễn Hải An	1/2	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
7	Bùi Thị Huệ	26827070508HN	Cao Quốc Huy	3/2	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
8	Đào Thị Mỹ Hạnh	26827080535HN	Đào Trần Khánh Ly	3/3	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
9	Đào Thị Mỹ Hạnh	26827080535HN	Trần Nguyên Anh	4/4	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
10	Trần Phúc Hải	26827080775HN	Trần Ngọc Hà	4/2	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
11	Trần Phúc Hải	26827080775HN	Trần Ngọc Yến	5/2	TH Nguyễn Văn Banh	0	150,000	0	4	150,000	600,000	600,000
12	Nguyễn Trung Tính	26827080777HN	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	4/2	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	0	150,000	0	750,000
13	Nguyễn Thị Lệ	26827090786HN	Nguyễn Thành Danh	5/2	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
14	Dương Thị Hiền	26827090607HN	Nguyễn Thị Kim Tuyền	5/5	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
15	Vũ Thị Hà Phương	26827090788HN	Phạm An Gia	2/5	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	0	150,000	0	750,000
16	Cao Thị Ngọc Trang	26827090791HN	Nguyễn Cao Thanh Hải	3/5	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	0	150,000	0	750,000
17	Đào Thị Mỹ Phượng	26827090587HN	Trần Thị Hoàng Yến	4/3	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
18	Đào Thị Mỹ Phượng	26827090587HN	Trần Hoàng Gia Huy	3/6	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000

TT	Họ và tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo	Họ tên học sinh	Lớp	Trường	Học kỳ I (Từ tháng 9/2022 đến 01/2023)			Học kỳ II (Từ tháng 2/2023 đến 05/2023)			Tổng cộng
						Số tháng	Định mức 1 tháng	Số tiền	Số tháng	Định mức 1 tháng	Số tiền	
19	Đào Thị Mỹ Phượng	26827090587HN	Trần Thị Hoàng Dung	1/6	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
20	Trần Thị Thu Minh	26827090590HN	Phạm Diệu Hương	2/2	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	0	150,000	0	750,000
21	Võ Hoàng Hải	26827090603HN	Võ Hoàng Nam	2/2	TH Nguyễn Văn Banh	5	150,000	750,000	4	150,000	600,000	1,350,000
II.	DIỆN MỎ CÔI											
II.	DIỆN KHUYẾT TẬT							0			0	0
Tổng cộng								15,000,000	0	0	8,400,000	23,400,000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP


Trần Thị Thảo Uyên

 **HIỆU TRƯỞNG**

Hà Thụy Thúy Bình